

KẾT QUẢ KHẢO SÁT SINH VIÊN ĐẦU VÀO 2020

1.1 ĐẶC TÍNH CỦA MẪU NGHIÊN CỨU (n=1324)

Đặc tính	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
<i>Giới</i>		
Nữ	736	55,6
Nam	588	44,4
<i>Hộ khẩu</i>		
Thành phố HCM	678	51,2
Tỉnh	646	48,8
<i>Lớp*</i>		
Dinh dưỡng 2020	61	4,6
Dược học 2020	87	6,6
KXNK 2020	33	2,5
KTHAYH 2020	42	3,2
KTXNYH 2020	51	3,8
RHM 2020	86	6,5
YK 2020 A	200	15,1
YK 2020 B	200	15,1
YK 2020 C	178	13,4
YK 2020 D	190	14,4
YTCC 2020	39	2,9
Điều dưỡng 2020	157	11,9
<i>Ngành*</i>		
Dinh dưỡng	61	4,6
Dược học	87	6,6
KXNK	33	2,5
KTHAYH	42	3,2
KTXNYH	51	3,8
RHM	86	6,5
YK	768	58,0
YTCC	39	2,9
Điều dưỡng	157	11,9
<i>Dân tộc</i>		
Kinh	1232	93,0
Hoa	65	4,9

Đặc tính	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Chăm	7	0,5
Tày	5	0,4
Gia-rai	2	0,2
Dân tộc khác	3	0,2
Mường	2	0,1
Co-ho	1	0,1
M'ông	1	0,1
Nùng	1	0,1
Sáng Chay	1	0,1
Tôn giáo		
Không tôn giáo	995	75,2
Phật giáo	170	12,8
Thiên Chúa giáo	135	10,2
Hòa Hảo/Cao Đài	10	0,8
Tôn giáo khác	10	0,8
Tin lành	4	0,3
Đoàn viên		
Có	1014	76,5
Không	310	23,5
Đảng viên		
Có	5	0,4
Không	1319	99,6
Nghề nghiệp cha		
Buôn bán	250	18,9
Nông dân	143	10,8
Công nhân	130	9,8
CNVC	126	9,5
Bác sĩ	42	3,2
Giáo viên	39	2,9
Tài xế	28	2,1
Kĩ sư	27	2,0
Bộ đội	18	1,4
Hưu trí	16	1,2
Đã mất	11	0,8
Nội trợ	1	0,1
Khác	493	37,2
Nghề nghiệp mẹ		
Nội trợ	175	13,2
Buôn bán	169	12,8

Đặc tính	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Giáo viên	93	7,0
CNVC	60	4,5
Nông dân	59	4,5
Điều dưỡng	55	4,2
Công nhân	51	3,9
Bác sĩ	27	2,0
Thợ may	25	1,9
Kế toán	20	1,5
Hưu trí	10	0,8
Đã mất	4	0,3
Khác	576	43,5
Số anh em		
0	655	49,5
1	582	44,0
2	75	5,7
3	12	0,9
Số chị em		
0	663	49,8
1	541	40,6
2	100	7,2
3	23	1,7
4	7	0,5
5	2	0,2
Thuộc diện nghèo/cận nghèo		
Không thuộc diện nào cả	1307	97,7
Cận nghèo	23	1,7
Nghèo	8	0,6
Vay vốn ngân hàng để đi học		
Có	158	11,9
Không	1166	88,1
Nhóm máu		
O	25	1,9
A	11	0,8
B	9	0,7
AB	3	0,2
Missing	1276	96,4
Tật khúc xạ		
Có	46	3,5
Không	2	0,2

Đặc tính	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Missing	1276	96,3
Bệnh cần theo dõi		
Không	14	1,1
Điều trị lao	1	0,1
Thoát vị bẹn	1	0,1
Missing	1308	98,7
Sinh viên có thành tích giải TP các cấp***		
Có	263	19,6
Không	1077	80,5
Thành tích giải TP các cấp**		
Giáo dục	198	75,3
Khác	57	21,7
Thể thao	8	3,0
Trường chuyên trúng tuyển***		
Có	303	22,6
Không	1037	77,4
Nguyện vọng trúng tuyển***		
NV1	441	32,9
NV2	627	46,8
NV3	144	10,7
NV4	59	4,4
NV5	32	2,4
NV6	10	0,7
NV7	5	0,4
NV8	5	0,4
NV9	1	0,1
NV10	1	0,1
Tuyển thẳng	1	0,1
Tuyển BS	14	1,0

*Tỷ lệ sinh viên của các lớp, và của các ngành trong tổng số 1324 sinh viên tham gia khảo sát

**Trên tổng số 263 SV có thành tích

***Trên tổng số 1340 SV theo DS TS nhập học

Trong toàn bộ sinh viên (SV) tham gia khảo sát đầu vào năm 2020, giới tính là nữ chiếm tỷ lệ cao hơn (55,6%) và có hơn 50% có hộ khẩu tại thành phố Hồ Chí Minh. Về ngành học chiếm hơn một nửa là đối tượng Y đa khoa (58%). Đa số sinh viên thuộc dân tộc Kinh (93%), ngoài ra sinh viên còn thuộc một vài dân tộc khác như dân tộc Hoa, dân

tộc Chăm, dân tộc Tày. Về tôn giáo, chiếm đại đa số là các bạn SV không thuộc tôn giáo (75,2%), tiếp đến là Phật giáo và Thiên Chúa giáo. Phần lớn các bạn SV là Đoàn viên (chiếm 76,5%). Đa số các bạn chưa là Đảng viên, tỷ lệ SV đang là Đảng viên khá thấp (chiếm 0,4%). Về nghề nghiệp của cha, chiếm tỷ lệ cao nhất là nghề buôn bán (18,9%), kế đến là nông dân (10,8%) và công nhân (9,8%). Về nghề nghiệp của mẹ, nội trợ là nghề chiếm tỷ lệ cao nhất (13,2%), tiếp theo là đến nghề buôn bán (12,8%) và giáo viên (7,0%). Gần một nửa các bạn sinh viên không có anh em, chủ yếu các bạn có một người anh hoặc em (chiếm 44,0%). Đa số các bạn không có chị em (chiếm 49,8%). Có 1,7% các bạn SV thuộc diện cận nghèo và 0,6% thuộc diện nghèo. Tỷ lệ các bạn SV có gia đình đang vay vốn để đi học chiếm 11,9%. Về nhóm máu, chiếm tỷ lệ cao nhất trong số các bạn SV là nhóm máu O, kế đến là nhóm máu A và B, tuy nhiên, tỷ lệ các bạn SV không trả lời về nhóm máu của mình rất cao. Liên quan đến tật khúc xạ, có 3,5% các bạn SV báo cáo đang gặp phải vấn đề liên quan đến tật khúc xạ, cũng giống như nhóm máu, tỷ lệ các bạn SV có phản hồi về tật khúc xạ của bản thân rất thấp. Có 0,1% SV đang điều trị lao và 0,1% gặp phải vấn đề về thoát vị bẹn đang phải điều trị. Tỷ lệ sinh viên có thành tích giải thành phố các cấp là 19,8%, trong đó chủ yếu là giải liên quan đến giáo dục. Tỷ lệ SV thuộc trường chuyên trúng tuyển là 22,6%. Đa số các bạn SV trúng tuyển ở nguyện vọng 1 và nguyện vọng 2.

Từ kết quả trên cho thấy, có 48,8% các bạn SV có hộ khẩu ở tỉnh, đây là số liệu cần thiết nhằm giúp nhà trường có thể đưa ra các biện pháp nhằm hỗ trợ, giúp đỡ các bạn SV trong việc tìm kiếm chỗ ăn ở, để các bạn ổn định và có thể tập trung vào việc học tập. Ngoài ra, có 7% sinh viên thuộc dân tộc khác, đây là những SV cần nhận được sự quan tâm từ nhà trường, như việc áp dụng chính sách hỗ trợ, miễn giảm học phí dành cho các SV dân tộc thiểu số. Tỷ lệ các bạn SV hiện đang là Đảng viên khá thấp, từ số liệu này có thể giúp nhà trường tăng cường các hoạt động, vận động, khuyến khích, tạo điều kiện để các bạn SV có thể tham gia nhiều hoạt động hơn nữa, năng nổ trong các chương trình giúp các bạn phấn đấu để đóng góp công sức của mình để tự hào đứng vào hàng ngũ của Đảng, là những đoàn viên thanh niên ưu tú. Về tình trạng kinh tế của gia đình các bạn SV, chiếm 1,7% và 0,6% thuộc diện cận nghèo và nghèo, đây chính là những bạn SV cần được nhận

sự quan tâm, hỗ trợ, tạo điều kiện từ phía trường để các bạn có thể an tâm học tập, như các chính sách miễn giảm học phí, học bổng nghèo vượt khó. Tỷ lệ các bạn SV phản hồi về nhóm máu và tật khúc xạ của bản thân khá thấp, có thể do các bạn chưa biết được nhóm máu của mình cũng như tình trạng sức khỏe của bản thân, nhà trường có thể bổ sung thêm các chương trình KSK cho SV để kịp thời phát hiện và điều trị khi có bệnh. Đối với các bạn SV đang phải điều trị lao và thoát vị bẹn, nhà trường cần quan tâm, động viên để các bạn có thể điều trị tốt, để tiếp tục học tập tốt.

1.2. THÔNG TIN CHUNG

Đặc tính	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Lý do chọn Trường PNT		
Yêu thích bản thân	1092	82,5
Tư vấn GD	142	10,7
Tư vấn bạn bè	17	1,3
Tư vấn thầy cô	36	2,7
Không có lựa chọn khác	18	1,4
Khác	19	1,4
Lý do chọn Ngành		
Có ba/mẹ người thân trong ngành	65	4,9
Yêu thích bản thân	990	74,8
Tư vấn GD	176	13,3
Tư vấn bạn bè	20	1,5
Tư vấn thầy cô	30	2,3
Khác	43	3,2
Hiện có đang sống chung		
Có	1227	92,7
Không	97	7,3
Hiện tại đang sống chung với		
Ba mẹ	895	67,6
Anh/chị/em	689	52,0
Họ hàng/bà con	191	14,4
Sống một mình	16	1,2
Bạn bè	176	13,3
Vợ/chồng	0	0
Người yêu	2	0,1
Khác	28	2,1
Nơi sinh sống hiện tại		
Nhà trọ	455	34,4
KTX	40	3,0
Nhà riêng	831	62,8
Khác	48	3,6
Trình độ ngoại ngữ		
Chưa có CC	1138	86
Cử nhân NN	0	0
IELTS	132	10
TOEFL	2	0,2
TOEIC	3	0,3

DELF/DALF	3	0,3
Khác	42	3,2
<i>Trình độ tin học</i>		
Trình độ tin học A	219	17,1
Trình độ tin học B	27	2,1
CC UD CNTT cơ bản	204	15,9
CC UD CNTT nâng cao	1	0,1
CN CNTT	0	0
Khác	832	64,8
<i>Điện thoại sử dụng</i>		
ĐT thông minh	1299	98,4
ĐT bình thường	19	1,4
Không có điện thoại	2	0,2
<i>Sử dụng mạng xã hội</i>		
Có	1316	99,7
Không	4	0,3
<i>Tham gia mạng xã hội</i>		
Facebook	1313	99,1
Zalo	1042	78,7
Twitter	157	11,8
Instagram	867	65,5
Khác	18	1,4
<i>Máy tính cá nhân/MT bảng</i>		
Có	948	71,8
Không	372	28,2
<i>Thói quen đọc sách</i>		
Có	1182	89,7
Không	136	10,3
<i>Loại sách hay đọc</i>		
Truyện tranh	743	56,1
Tiểu thuyết	654	49,4
Khoa học	637	48,1
Ngoại văn	168	12,7
Triết lý	237	17,9
Kiểm hiệp	80	6,0
Trình thám	464	35,0
Khác	55	4,2
<i>Từng học trường khác trước khi vào trường</i>		
Có	101	7,6
Không	1220	92,4

Đa số các bạn sinh viên chọn học ở trường Phạm Ngọc Thạch là do yêu thích của chính bản thân (82,5%), chiếm tỷ lệ thấp nhất là thông qua tư vấn của bạn bè (1,3%). Phần lớn các bạn chọn lựa ngành học là do sự yêu thích của bản thân (74,8%), tiếp đến là do sự tư vấn của gia đình (13,3%). Hầu hết các bạn sinh viên có đang sống chung (92,7%) và hiện đang sống với anh/chị/em là chủ yếu (52%). Về nơi sống hiện tại, chiếm tỷ lệ cao nhất là các bạn sống ở nhà riêng (62,8%) và thấp nhất là sống ở Kí túc xá (3%). Đa số các bạn sinh viên chưa có chứng chỉ ngoại ngữ (86%) và không có bạn nào có bằng cử nhân ngôn ngữ. Ngoài ra, về trình độ ngoại ngữ hiện tại của các bạn sinh viên là IELTS (10%), TOEIC (0,3%). Về trình độ tin học, các bạn có trình độ tin học A chiếm tỷ lệ cao nhất (17,1%) và không có bạn nào có bằng cử nhân CNTT. Hầu hết các bạn sinh viên đang sử dụng điện thoại thông minh (98,4%) và rất ít các bạn không có điện thoại (0,2%). Đa phần các bạn có sử dụng mạng xã hội, và loại mạng xã hội các bạn tham gia phổ biến nhất là Facebook (99,1%), Zalo (78,7%) và Instagram (65,5%). Chiếm phần lớn là các bạn sinh viên có máy tính cá nhân hoặc máy tính bảng (71,8%). Đa số các bạn cho biết là có thói quen đọc sách (89,7%) và các loại sách hay đọc nhất là truyện tranh (56,1%) và tiểu thuyết (49,4%). Về vấn đề đã từng học ở trường khác trước khi vào trường, đại đa số các bạn cho biết không có học trường khác (92,4%).

Từ những số liệu thống kê trên cho thấy, có đến 86% các bạn SV chưa có chứng chỉ ngoại ngữ, và chiếm một tỷ lệ rất thấp các bạn SV có chứng chỉ như TOEFL (0,2%), TOEIC (0,3%), DELF/DALF (0,3%), điều này cho thấy nhà trường cần khuyến khích các bạn SV trong việc bổ sung và nâng cao trình độ ngoại ngữ, bên cạnh đó là việc mở rộng, xây dựng thêm nhiều chương trình học tiếng anh, mở các Câu lạc bộ tiếng anh để các bạn SV có thể rèn luyện và nâng cao vốn ngoại ngữ của mình. Tương tự như vậy, tỷ lệ các bạn sinh viên có chứng chỉ tin học cũng chưa cao (có đến 64,8% chưa có các chứng chỉ tin học). Vì vậy, việc tăng cường đến 2 kỹ năng cơ bản là ngoại ngữ và tin học cho các bạn SV là vấn đề cần được quan tâm từ phía nhà trường. Tỷ lệ các bạn không có điện thoại chiếm 0,2%, tuy tỷ lệ này không cao, tuy nhiên đây là cơ sở để nhà trường dành sự quan tâm đến các bạn SV này, vì không có điện thoại sẽ không hoặc gây khó khăn trong việc liên lạc, thông báo đến các bạn SV trong những trường hợp cần thiết.

1.3. TRẮC NGHIỆM THÓI QUEN HỌC TẬP

Đặc tính	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
VARK		
Visual (Thị giác)	207	15,6
Aural (Thính giác)	388	29,3
Read/Write (Đọc/viết)	193	14,6
Kinesthetic (Trải nghiệm)	854	64,5

Trắc nghiệm thói quen học tập của sinh viên được đánh giá bằng cách cho các bạn trả lời 16 câu hỏi trong bảng câu hỏi VARK, sau đó tùy theo việc lựa chọn một trong 4 đáp án: a,b,c,d của các bạn mà tương ứng với từng loại K, V, R, A cho từng câu (theo bảng phân loại VARK có sẵn). Kết quả cho thấy: Đa số các bạn sinh viên có thói quen học tập với phương pháp học thông qua vận động (Kinesthetic) (64,5%) và chiếm tỷ lệ thấp nhất là phương pháp học tập đọc/viết (14,6%).

1.4. TRẮC NGHIỆM ĐÁNH GIÁ LO ÂU

Đặc tính	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Trầm cảm		
Bình thường	352	28,4
Nhẹ	257	20,8
Vừa	402	32,5
Nặng	226	18,3
Rất nặng	87	7,0
Lo âu		
Bình thường	231	17,4
Nhẹ	121	9,1
Vừa	322	24,3
Nặng	307	23,2
Rất nặng	343	25,9
Stress		
Bình thường	674	50,9
Nhẹ	250	18,9
Vừa	275	20,8
Nặng	87	6,6
Rất nặng	38	2,9

Kết quả cho thấy: Về vấn đề trầm cảm, chủ yếu các bạn gặp phải mức độ trầm cảm vừa (32,5%), và có đến 7% các bạn sinh viên gặp phải tình trạng trầm cảm với mức độ rất nặng. Về lo âu, chiếm tỷ lệ cao nhất với mức độ rất nặng (25,9%) và nặng (23,2%). Về stress, hơn một nửa các bạn sinh viên với mức độ bình thường (50,9%) và mức độ rất nặng (2,9%).

Qua khảo sát đối tượng là sinh viên đầu vào năm 2020, trong bộ câu hỏi khảo sát có sử dụng **thang đo Lo âu – Trầm cảm – Stress (DASS 21) – bao gồm 21 câu hỏi với 4 lựa chọn (0: Không đúng với tôi chút nào cả, 1: Đúng với tôi phần nào, hoặc thỉnh thoảng mới đúng; 2: Đúng với tôi phần nhiều, hoặc phần lớn thời gian là đúng; 3: Hoàn toàn đúng**

với tôi, hoặc hầu hết thời gian là đúng) với mục đích nhằm xác định tỷ lệ lo âu, trầm cảm và stress được phân thành các mức độ khác nhau ở các bạn sinh viên.

Tuy nhiên, kết quả của cuộc đánh giá này chủ yếu dựa trên sự đánh giá chủ quan từ chính các bạn sinh viên, nên kết quả chỉ nhằm gợi ý cho việc theo dõi về các vấn đề tâm lý của các bạn trong thời gian tới. Chính vì thế, chúng tôi có một số đề xuất như sau:

- Đối với những sinh viên có kết quả khảo sát gặp một trong ba vấn đề (Lo âu – Trầm cảm – Stress) với mức độ rất nặng, hoặc gặp phải từ 2-3 vấn đề đều ở mức độ rất nặng (hoặc nặng) sẽ được khuyến khích được tư vấn tâm lý ở phòng khám Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch.

- Gửi kết quả đến cho Trạm Y tế để nắm bắt tình hình tâm lý sinh viên hiện nay từ đó có hướng tiếp cận cụ thể, đồng thời có thể theo dõi sự thay đổi ở những năm kế tiếp.

1.5 TRẮC NGHIỆM KHÍ CHẤT

Đặc tính	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
<i>Khí chất</i>		
Nóng	158	11,9
Lì (lạnh/bình thản)	284	21,4
Linh hoạt	39	2,9
Yếu (yếu, ưu tư)	843	63,7
Không trung thực	231	17,4

Đánh giá khí chất của sinh viên: Bằng cách sử dụng bộ câu hỏi gồm 57 câu, sau khi đọc kĩ câu hỏi, các bạn sinh viên thấy đúng với bản thân ghi dấu (+) trước câu đó, không đúng ghi dấu (-). Yêu cầu cho sinh viên là các câu trả lời phải trung thực, không bỏ quăng, trả lời theo cách nghĩ của mình, chú ý trả lời những ý nghĩ nảy sinh trong đầu trước tiên. Sau đó sẽ tiến hành cho điểm theo thang điểm có sẵn. Kết quả cho thấy: Đa phần các bạn sinh viên có khí chất yếu (yếu, ưu tư) (chiếm 63,7%) và rất ít các bạn SV có khí chất linh hoạt (chiếm 2,9%).

Cách diễn giải của từng loại khí chất:

1. Khí chất Nóng

- Cấu tạo thần kinh: Ức chế cao, hưng phấn cao. Nhịp độ thần kinh nhanh, nhưng không cân bằng giữa ức chế (buồn) và hưng phấn (vui), lúc quá tải, lúc quá hữu (vui quá trời mà buồn thì thấy đất), thay đổi nhanh, thất thường.

- Biểu hiện bên ngoài: nói to, nói nhiều, nói mạnh, hành động mạnh mẽ, hay cáu gắt, hay biểu lộ cảm xúc ra ngoài, cởi mở, vồ vập, bạo dạn, chủ động, rất nhiệt tình với mọi người, tuy nhiên do hay nổi nóng nên cũng hay và dễ làm mất lòng người khác. Nhận thức mọi sự việc rất nhanh. Về vấn đề tình cảm thì yêu ghét rõ ràng, thường sống thiên về tình cảm, hay để tình cảm lấn át lí trí. Khả năng thích nghi với môi trường cao.

- Ưu điểm là nhiệt tình, thẳng thắn bộc trực, quyết đoán, dám nghĩ dám làm, dám chịu trách nhiệm. Thường là những người đi đầu trong hoạt động chung. Đặc biệt có khả năng lôi cuốn người khác. Tuy nhiên lại hay vội vàng hấp tấp, nóng nảy, khó kìm-không có

khả năng tự kìm chế, lại bảo thủ, hiếu thắng, không kiên trì; khi rơi vào hoàn cảnh khó khăn sẽ thường không tự chủ được bản thân. Nhưng lại là người không dễ bụng, thù dai. Phù hợp với những công việc chứa nhiều mâu thuẫn và mới mẻ.

2. Khí chất lì (lạnh /bình thản)

- Hưng phấn, ức chế ở mức độ bình thường. Phản ứng, nhịp độ thần kinh rất chậm, không linh hoạt.
- Kiểu người ít nói, nói chắc (nói câu nào đâu câu đấy). Hành vi chậm chạp, không bộc lộ cảm xúc ra bên ngoài, hơi khô khan. Là người khó gần, khó làm quen, cũng khó biết tâm trạng của họ. Mọi quan hệ của họ rất hẹp vì họ không thích quan hệ rộng. Nhờ thế, khó thích nghi với môi trường sống.
- Ưu điểm của họ là chắc chắn, cẩn thận, điềm đạm, làm việc có kế hoạch, biết cân nhắc trước khi hành động, làm chủ được tình huống và vô cùng kiên định. Nhờ vậy, khả năng tiếp thu cái mới lại rất chậm, khá nguyên tắc, cứng nhắc, đôi khi máy móc làm dễ mất thời cơ không cần thiết.
- Hiệu quả công việc của loại người này phụ thuộc vào thời gian gắn bó với công việc đó
- càng lâu càng hiệu quả. Phù hợp với công việc đơn điệu, có thể đòi hỏi bảo mật kín đáo. Nên làm bảo vệ, tổ chức, thanh tra điều tra.

3. Khí chất Linh hoạt

- Phản ứng, nhịp độ thần kinh mạnh, mềm dẻo, tính cân bằng giữa ức chế và hưng phấn cao.
- Đặc biệt nói nhiều, nhanh. Hoạt động cũng nhanh nhẹn, hoạt bát. Quan hệ thì vui vẻ dễ gần, có tài ngoại giao nên quan hệ rất rộng nhưng không sâu sắc.
- Tư duy, nhận thức nhanh, lắt léo sáng kiến, nhiều mưu mẹo, hay vội vàng hấp tấp. Có khả năng thích nghi với mọi môi trường hoàn cảnh, tư tưởng rất dễ thay đổi. Đây là loại người rất linh hoạt trong cuộc sống.
- Về tình cảm thì là người dễ phát sinh tình cảm nhưng đa phần không bền lâu, dễ thay đổi.
- Họ rất lạc quan yêu đời, nhanh nhẹn, có tài ngoại giao, nhiều sáng kiến, có khả năng tổ chức. Nhưng nhược điểm lại là vội vàng hấp tấp, lập trường không vững vàng, rất hay

chủ quan. Làm việc nhanh nhưng chất lượng không cao (nhanh mà ẩu), phù hợp với công việc phải thay đổi ấn tượng thường xuyên, hiệu quả công việc lại phụ thuộc vào hứng thú đối với công việc đó. Càng phải làm nhiều việc một lúc càng tốt. Phù hợp với công việc ngoại giao hay Marketing.

4. Khí chất Yếu (yếu, ưu tư)

- Hưng phấn lẫn ức chế đều thấp, nhưng ức chế vẫn trội hơn (buồn nhiều hơn vui, thường xuyên chẳng vui chẳng buồn, chỉ man mác 1 nỗi lòng không thể tả).
- Là loại người có hệ thần kinh nhạy cảm, nhịp độ phản ứng thần kinh chậm, ít nói, tiếng nói thì nhẹ nhàng, yếu ớt. Hành động thiếu tính bạo dạn, rất rụt rè, nhút nhát. Nhận thức chậm, chắc, có năng khiếu riêng. Không thích đám đông, không thích ồn ào. Thiên về sống nội tâm, không thích quan hệ rộng. Rất chu đáo, ít làm mất lòng người khác.
- Về vấn đề tính cảm: kín đáo, sâu sắc, chung thủy không chịu được shock. Rất khó thích nghi với môi trường hoàn cảnh sống, sợ sự thay đổi.
- Ưu điểm của loại người này là có tính tự giác cao, kiên trì trong công việc, làm việc rất cẩn thận, chu đáo, ít làm mất lòng người khác. Ngược lại, hay lo nghĩ, dễ bị tổn thương, hay chịu tác động của môi trường, không chịu được sức ép công việc. Công việc thích hợp là việc nghiên cứu.

NGƯỜI BÁO CÁO	KT. TRƯỞNG PHÒNG PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
<i>(Đã ký)</i>	<i>(Đã ký)</i>
Hoàng Thị Diễm Phương	Phùng Đức Nhật